

Số: 53/2023/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 16 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT: Khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu G, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 11/4/2014 và Nguyễn Thị A, sinh ngày 09/12/2016 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Văn N vì anh Nguyễn Văn N không yêu cầu nhưng chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2 *Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức:* Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn N tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008019 ngày 19/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Anh Nguyễn Văn N được hoàn trả số tiền chênh lệch 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND x.T, h. C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hán Hưởng